

ÂN DỤ CẤU TRÚC VỀ TÌNH YÊU TRONG THƠ ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM

NGUYỄN PHƯƠNG DUYÊN¹

TĂNG THỊ TUYẾT MAI²

Abstract: The article applies cognitive metaphor theory to establish the structural metaphor of LOVE in contemporary Vietnamese poetry. By using linguistic description methods and linguistic statistical methods to survey 444 works, we have obtained 172 instances with structural metaphors related to the target domain LOVE. These instances are further generalized into five structural metaphors, which are as follows: (1) LOVE IS A JOURNEY, (2) LOVE IS A PLANT, (3) LOVE IS A GAME, (4) LOVE IS A PLAY, and (5) LOVE IS A FIRE. The article demonstrates that, based on the mapping of similar attributes from the source domain to the target domain, each source domain in the structural metaphor occupies a different proportion, but they all play an important role in clarifying the perception of contemporary Vietnamese poets about the target domain LOVE.

Keywords: *cognitive metaphor, structural metaphor of LOVE, contemporary Vietnamese poetry*

1. Đặt vấn đề

Ân dụ tri nhận (ADTN) nói chung và ân dụ cấu trúc (ADCT) nói riêng không phải là một vấn đề mới đối với giới nghiên cứu ngôn ngữ học. Tuy nhiên, cho đến nay, vấn đề ADCT trong thơ đương đại Việt Nam³ chưa nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Với những cách tân táo bạo cả về cả nội dung lẫn hình thức nghệ thuật, thơ đương đại Việt Nam là một mảnh đất tiềm năng để có thể tìm hiểu những mô hình ADCT, góp phần làm rõ cách tư duy của các nhà thơ đương đại trong mối tương quan với kinh nghiệm của cộng đồng.

Bài viết này vận dụng lí thuyết ADTN để tìm hiểu và lí giải cơ chế hình thành các ADCT về TÌNH YÊU trong các tác phẩm của một số nhà thơ đương đại Việt Nam (Nguyễn Thế Hoàng Linh, Vi Thuỳ Linh, Ly Hoàng Ly, Nguyễn Thiên Ngân và Nguyễn Phong Việt). Qua việc phân tích, lí giải các mô hình ánh xạ giữa các miền nguồn và miền đích TÌNH YÊU trong ADCT, bài viết cho thấy sự đa dạng và sáng tạo trong cách thức tri nhận ý niệm trừu tượng TÌNH YÊU, góp

¹ HVCH, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

² TS, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

³ Dựa trên quan điểm của một số nhà nghiên cứu như: Lưu Khánh Thơ (2015), Hoàng Thị Huệ (2020),... nhóm tác giả xác định giai đoạn thơ đương đại bắt đầu từ năm 1986 và trong bài viết này, nhóm tác giả tập trung khảo sát ở giai đoạn sau 2000 với những nhà thơ cụ thể, bao gồm: Nguyễn Thế Hoàng Linh, Vi Thuỳ Linh, Ly Hoàng Ly, Nguyễn Thiên Ngân và Nguyễn Phong Việt.

phần làm rõ tư tưởng, thông điệp nghệ thuật của các tác giả thơ đương đại. Bài viết có thể trở thành nguồn tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu về những ADTN khác trong thơ đương đại Việt Nam, góp phần phát triển và nâng cao sự hiểu biết về ngôn ngữ học và văn học.

2. Nội dung

2.1. Ấn dụ cấu trúc và miền đích TÌNH YÊU

Dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ được hiểu là cách thức con người ý niệm hoá thế giới. Trong công trình *Cognitive linguistics: An introduction*, Evans và Green đề cập đến bản chất của ADTN, theo đó, ẩn dụ không chỉ tồn tại trong ngôn ngữ mà còn xuất hiện bên ngoài ngôn ngữ, trong cả tư duy và hành động [9, tr. tr.303]. Trong công trình *Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận*, Lee [5, tr. tr.24] cũng đã chỉ ra được tầm quan trọng của ẩn dụ trong mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy: “Ẩn dụ thực sự là minh chứng tốt nhất cho tuyên bố của các nhà tri nhận luận rằng ngôn ngữ và tư duy hoà quện khăng khít với nhau”.

Các nhà ngôn ngữ học có nhiều cách phân loại ADTN dựa trên những tiêu chí khác nhau và phổ biến nhất trong số đó là cách phân loại dựa trên chức năng (function) đã được Lakoff và Johnson [12] đề cập đến trong công trình *Metaphors we live by* và được Kövecses [11] kế thừa với công trình *Metaphor: A practical introduction*. Theo cách phân loại này, ẩn dụ được chia ra làm ba loại: ADCT (structural metaphor), ẩn dụ bản thể (ontological metaphor) và ẩn dụ định vị (orientational metaphor). Trong đó, ADCT là loại sử dụng cơ chế ánh xạ giữa hai miền ý niệm nhằm giúp ta hiểu được miền đích (target domain) thông qua miền nguồn (source domain). Cơ chế này dựa trên sự tri nhận của con người về các phạm trù trừu tượng, thông qua những kinh nghiệm cụ thể, hay theo nhận định của Radden & Dirven, đây là cách ta hiểu các miền trừu tượng “bằng cách liên hệ chúng tới các miền và kinh nghiệm được biết đến nhiều hơn trong thế giới tự nhiên”⁴. Trong ADCT, ý niệm nguồn và đích tuy thuộc về hai miền tri nhận khác nhau (một bên là về các phạm trù cụ thể - một bên trừu tượng) nhưng về mặt cấu trúc là tương tự nhau hay nói cách khác, giữa các phần cấu thành của hai ý niệm có mối quan hệ mật thiết với nhau.

TÌNH YÊU là một ý niệm mang tính phổ quát trong cả đời sống hằng ngày lẫn địa hạt thơ ca và là chủ đề tiêu biểu thể hiện cá tính sáng tạo của các nhà thơ đương đại. Tuy nhiên, đây lại là miền ý niệm trừu tượng, không dễ hiểu và trên thực tế, có khá nhiều công trình đi sâu vào phân tích miền ý niệm này nhưng thường chỉ đề cập đến miền nguồn quen thuộc là CUỘC HÀNH TRÌNH. Trong phạm vi khảo sát của nghiên cứu hiện tại, chúng tôi không chỉ làm rõ miền đích TÌNH YÊU qua miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH mà còn cung cấp thêm một số miền nguồn khác, góp phần tri nhận miền đích TÌNH YÊU một cách cụ thể, rõ ràng hơn.

⁴ “By relating them to better-known domains and experiences in the physical world” [8, tr.16]

2.2. Ảnh dụ cấu trúc về TÌNH YÊU trong thơ đương đại Việt Nam

Trong bài viết, chúng tôi đã sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chủ yếu, bao gồm: phương pháp miêu tả ngôn ngữ và phương pháp thống kê. Phương pháp miêu tả ngôn ngữ được dùng để miêu tả các đặc trưng về ngữ nghĩa của các biểu thức ngôn ngữ, từ đó xác lập các cơ chế ánh xạ giữa miền nguồn và miền đích trong các tác phẩm thơ đương đại. Phương pháp thống kê được dùng để hệ thống số lượng bài thơ, câu thơ có miền đích TÌNH YÊU và đặc biệt là thống kê các thuộc tính trong mỗi ảnh dụ nhằm tạo tiền đề cho các nghiên cứu chuyên sâu như miêu tả, phân tích để làm rõ các mô hình tri nhận trong thơ đương đại Việt Nam.

Từ những tiền đề lí thuyết về ADTN và cụ thể hơn là ADCT đã được nghiên cứu trước đó, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 444 tác phẩm của năm nhà thơ đương đại Việt Nam⁵ và thu được 433 ngữ liệu (dòng thơ/ đoạn thơ) chứa ADCT với ba miền ý niệm chính là THỜI GIAN, CUỘC ĐỜI và TÌNH YÊU⁶. Trong đó, ADCT về TÌNH YÊU chiếm một số lượng khá lớn so với các ADCT khác với 172/433 ngữ liệu cùng cách thức tri nhận đa dạng, phong phú. Bài viết đã khái quát mô hình ADCT về TÌNH YÊU dựa trên năm miền nguồn phổ biến và với mỗi miền nguồn, chúng tôi cũng thống kê những thuộc tính tương đồng được sử dụng để tri nhận nhằm giúp người đọc có một cái nhìn cụ thể, chi tiết hơn về sự tương đồng giữa hai miền ý niệm, giúp cho quá trình tri nhận miền đích TÌNH YÊU trở nên dễ dàng hơn. Qua quá trình thống kê ngữ liệu và khảo sát, chúng tôi thu thập được số lượng của các ADCT về TÌNH YÊU trong thơ đương đại Việt Nam và thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. Một số ADCT về TÌNH YÊU trong thơ đương đại Việt Nam⁷

STT	Ảnh dụ cấu trúc về TÌNH YÊU	Số lượng ngữ liệu có chứa ADCT tương ứng	Tỉ lệ (%)
1	TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH	107	62.21
2	TÌNH YÊU LÀ THỰC VẬT	23	13.37
3	TÌNH YÊU LÀ TRÒ CHƠI	17	9.88
4	TÌNH YÊU LÀ VỞ KỊCH	15	8.72
5	TÌNH YÊU LÀ LỬA	10	5.82
Tổng		172	100

⁵ Phụ lục các tác phẩm thơ đương đại Việt Nam được khảo sát: <https://docs.google.com/document/d/1OKhGEvIgO3bVDMErrS6dmgJLTivsF7o/edit?usp=sharing&ouid=111074638745654868513&rtpof=true&sd=true>

⁶ Phụ lục ADCT về THỜI GIAN, CUỘC ĐỜI và TÌNH YÊU <https://docs.google.com/document/d/1HyHkw5FbngslWGue0sjsYiOTce44K7lw/edit?usp=sharing&ouid=111074638745654868513&rtpof=true&sd=true>

⁷ Phụ lục ADCT về TÌNH YÊU trong thơ đương đại Việt Nam: <https://drive.google.com/drive/folders/1MLyj53h0w9a8xeLf1OwI48Uti0G20pLV?usp=sharing>

2.2.1. Ấn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH

TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH là một ADCT khá phổ biến trên thế giới. Trong công trình *A Glossary of Cognitive Linguistics*, Evans đã chỉ ra một số thuộc tính của miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH có thể được ánh xạ lên miền đích TÌNH YÊU, bao gồm: *du khách, phương tiện di chuyển, tuyến đường, đích đến, vật cản đường và nhiều thứ khác nữa*⁸. Trong những ngữ liệu ADCT khảo sát được với miền đích TÌNH YÊU, ấn dụ này chiếm tỉ lệ lớn nhất với 107/172 ngữ liệu (62.21%). TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH cũng được một số tác giả nghiên cứu với ngữ liệu phong phú, đa dạng như: ca từ Trịnh Công Sơn [4]; truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư [2]; thơ mới [6]; ca từ Nguyễn Văn Chung [1],... Tuy nhiên, nếu những tác giả trên chỉ tập trung phân tích miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH thì với bài viết này, để hiểu được một cách rõ ràng, cụ thể miền đích trừu tượng TÌNH YÊU, chúng tôi đã lập một bảng thống kê số lượng và tỉ lệ của những thuộc tính tương đồng trong mô hình ánh xạ giữa hai miền ý niệm như sau:

Bảng 2. Số lượng và tỉ lệ của từng thuộc tính trong ADCT
TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH

STT	CUỘC HÀNH TRÌNH (Miền nguồn)	TÌNH YÊU (Miền đích)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Lữ khách	Hai người yêu nhau	76	28.46
2	Điểm khởi hành	Điểm bắt đầu của tình yêu	25	9.36
3	Sự di chuyển	Cách yêu	80	29.96
4	Phương tiện	Các mối quan hệ trong tình yêu	19	7.12
5	Độ dài	Khoảng cách của hai người yêu nhau	10	3.75
6	Những nẻo đường	Những lựa chọn	17	6.37
7	Những trở ngại, vật cản đường	Những khó khăn, trắc trở	11	4.12
8	Đích đến	Mục tiêu hướng tới/ Sự chia li	29	10.86
Tổng			267	100

Lữ khách trên hành trình được tri nhận như con người trong tình yêu, đó có thể là hai người cùng nhau chung bước, cùng kiếm tìm hạnh phúc hay cũng có thể là hành trình của người lữ khách đơn độc, lẻ loi tìm kiếm yêu thương cho riêng mình:

⁸ “Traveller, mode of transport, route, destination, obstacles encountered on the route and so forth” [10, tr.61-62]

Rồi tôi sẽ vẫn mang em theo tôi

Đi đến những miền mơ

Nơi người ta sẽ yêu nhau - dù sao đi nữa

(Nguyễn Thiên Ngân, *Rồi tôi sẽ lại ôm em trên cánh đồng*)

Điểm khởi hành của cuộc hành trình được tri nhận như sự bắt đầu của tình yêu. Thuộc tính tương đồng này còn giúp ta nhận thấy mối liên hệ mật thiết giữa ADCT TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH và CUỘC ĐỜI LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH bởi khi bắt đầu một tình yêu có thể được hiểu như khi bắt đầu một cuộc đời mới. Cũng như các tác giả thuộc phong trào Thơ mới - không thể xác định thời điểm bắt đầu của tình yêu, các nhà thơ đương đại cũng có cho mình nỗi mơ hồ tương tự. Đó là nỗi băn khoăn của Xuân Diệu *Làm sao cắt nghĩa được tình yêu (Vì sao)*⁹ hay sự trăn trở của Xuân Quỳnh *Em cũng không biết nữa/ Khi nào ta yêu nhau (Sóng)*¹⁰. Chính điều này đã cho thấy sự tương đồng kinh nghiệm giữa những nhà thơ thuộc các giai đoạn khác nhau. Tình yêu dựa vào cảm xúc của con người nên ta không thể kiểm soát hay khó có thể biết chính xác thời điểm bắt đầu:

Ngày chúng ta sinh ra

phải chăng cũng là ngày yêu thương kia bắt đầu?

(Nguyễn Phong Việt, *Đám cưới (2)*)

Một thuộc tính khác thể hiện sự tương đồng giữa miền đích TÌNH YÊU và miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH là *sự di chuyển*. Đây là thuộc tính chiếm tỉ lệ cao nhất với 80/267 lần xuất hiện. Thống kê này giúp chúng tôi nhận thấy sự phổ biến trong tri nhận của các nhà thơ đương đại về sự di chuyển trong tình yêu:

Ta đã đi trọn vẹn với người rồi

(Nguyễn Thiên Ngân, *Vĩnh biệt*)

Để thực hiện hành trình tình yêu, ta có thể sử dụng nhiều *phương tiện* khác nhau, mỗi phương tiện sẽ có những đặc điểm riêng và phụ thuộc vào sự lựa chọn của mỗi người. Trong thơ đương đại, TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH BẰNG ĐƯỜNG BỘ đã cho thấy hành trình tình yêu được thực hiện bằng đôi chân khá phổ biến với những từ ngữ như: *đôi chân*, *bàn chân* hay *dấu chân*. Để lí giải cho điều này, tác giả Phan Thị Hương [16, tr.182] đã nêu ra nhận định: “Việc đi lại và vận chuyển trước đây chủ yếu được thực hiện bằng đường bộ [...] Mọi người thường đi bộ, và đường sá không ở trong điều kiện tốt [...]”. Tuy nhiên, thế kỉ XXI ghi nhận sự cải tiến của nhiều phương tiện giao thông và thơ đương đại Việt Nam cũng xuất hiện kiểu tri nhận máy bay như phương tiện cho hành trình tình yêu, tạo nên ADCT TÌNH YÊU LÀ CUỘC

⁹ Trích trong *Thơ Thơ* (Xuân Diệu, 1938)

¹⁰ Trích trong *Xuân Quỳnh - Thơ và Đời* (Vân Long (tuyển chọn), 2004)

HÀNH TRÌNH BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG, thể hiện tính hiện đại và sáng tạo trong tri nhận của những nhà thơ đương đại so với các nhà thơ thuộc những giai đoạn trước:

*Không có **chân trời cuối** cho **đường bay tình yêu***

(Vi Thùy Linh, *Tình tự ca*)

Độ dài của cuộc hành trình có thể được tri nhận như khoảng cách giữa hai người yêu nhau. Mặc dù chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ (3.75%) nhưng độ dài vẫn là một trong những thuộc tính quan trọng trong tri nhận của các nhà thơ đương đại về miền đích TÌNH YÊU. Trong số các tác giả được chúng tôi khảo sát, Nguyễn Thiên Ngân là nhà thơ sử dụng hiệu quả nhất thuộc tính này nhằm tri nhận miền đích trừu tượng TÌNH YÊU. Tác giả tri nhận độ dài của hành trình cũng như khoảng cách giữa hai người trong tình yêu:

Đường xa** ngái, hai ta thì **chập chững

Mỗi** một rồi nên đành đoạn **chia xa

(Nguyễn Thiên Ngân, *Thơ nghìn năm để gửi kẻ trăm năm*)

Mỗi hành trình sẽ có những *neo đường* và *ngã rẽ* khác nhau cũng như những lựa chọn khác nhau trong tình yêu. Hai lẽ khách trên hành trình tình yêu có thể chung bước, cùng nhau đi trên một con đường với rất nhiều ngã rẽ hay cũng có thể mỗi người lựa chọn cho mình một neo đường riêng, một hướng đi riêng:

*Giờ **ta** có **ngã đường** riêng phải đi*

*Có người khác mà **ta thương** chẳng kém*

(Nguyễn Thiên Ngân, *Như là bạn*)

Cuộc hành trình không phải lúc nào cũng bằng phẳng, thuận lợi để ta đi đến cuối mà ở đó luôn có những *trở ngại* để cản bước ta cũng như những khó khăn ta có thể gặp phải trên hành trình tìm kiếm yêu thương:

Ta lạy người, hãy quên ta

*Tìm **đường** khác mà đi*

*Ở đây **sóng gió** bất kỳ...*

(Nguyễn Thiên Ngân)

Với thuộc tính tương đồng *đích đến*, TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH có thể được triển khai thành ADCT nhỏ hơn - TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH VỚI ĐÍCH ĐẾN HẠNH PHÚC:

***Ta** cần nhau lúc chẳng **cần nhau** nhất*

*Để không quên **trạm cuối** ở đây rồi*

(Nguyễn Thiên Ngân, *Ta cần nhau lúc chẳng cần nhau nhất*)

Tuy nhiên, đích đến của hành trình tình yêu không phải lúc nào cũng hạnh phúc, viên mãn mà vẫn có những điều chưa thật sự trọn vẹn, còn dang dở và đầy tiếc nuối. Với thuộc tính tương đồng *đích đến* chúng tôi còn nhận thấy 10 lần xuất hiện của ADCT TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH VỚI ĐÍCH ĐẾN DANG DỒ, chiếm 34.48%, góp phần làm rõ cách thức tri nhận độc đáo của các nhà thơ đương đại về miền đích TÌNH YÊU.

Ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ đương đại Việt Nam giữ một vị trí quan trọng giúp tri nhận miền đích trừu tượng TÌNH YÊU qua miền nguồn cụ thể CUỘC HÀNH TRÌNH. Dựa trên kinh nghiệm cộng đồng kết hợp cùng những trải nghiệm cá nhân, các nhà thơ đương đại đã vận dụng những thuộc tính tương đồng giữa hai miền ý niệm để tạo nên những biểu thức ngôn ngữ ẩn dụ nhằm giúp người đọc tri nhận miền đích TÌNH YÊU và đặc biệt còn hé mở rất nhiều ADCT nhỏ hơn, như: TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH VƯỢT QUA NHỮNG TRỞ NGẠI, TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH VỚI ĐÍCH ĐẾN HẠNH PHÚC,... Với cùng một thuộc tính tương đồng, so sánh qua các thời kì, ta cũng có thể thấy rõ sự mở rộng trong cách thức tri nhận của các nhà thơ đương đại, là cánh cửa mở ra sự phát triển của ý niệm TÌNH YÊU trong sự vận động của văn học Việt Nam.

2.2.2. Ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ THỰC VẬT

Trong đời sống hằng ngày, ADCT TÌNH YÊU LÀ THỰC VẬT xuất hiện khá phổ biến qua các biểu thức ngôn ngữ như: MẦM TÌNH YÊU, TRÁI YÊU, VỊ NGỌT TÌNH YÊU, TÌNH YÊU ĐOM HOA,... Điều này đã giúp TÌNH YÊU LÀ THỰC VẬT chiếm một tỉ lệ không nhỏ trong các ADCT về miền đích TÌNH YÊU (13.37%). Chúng tôi đã khái quát được một số thuộc tính của thực vật có thể được tri nhận như tình yêu trong bảng sau:

Bảng 3. Số lượng và tỉ lệ của từng thuộc tính trong ADCT TÌNH YÊU LÀ THỰC VẬT

STT	THỰC VẬT Miền nguồn	TÌNH YÊU Miền đích	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Bộ phận, giai đoạn phát triển	Giai đoạn phát triển	10	38.46
2	Đặc điểm	Đặc điểm	14	53.85
3	Sự tác động của con người	Cách hình thành/ duy trì tình yêu	2	7.69
Tổng			26	100

Bộ phận, giai đoạn phát triển của thực vật có thể được tri nhận như giai đoạn phát triển trong tình yêu. Thuộc tính này đứng vị trí thứ hai trong các thuộc tính tương đồng giữa TÌNH YÊU và THỰC VẬT với 10/26 lần xuất hiện. Tương ứng với những bộ phận và giai đoạn phát triển của thực vật là những giai đoạn khác nhau trong tình yêu, thực vật nảy mầm, đâm chồi hay nở hoa có thể hiểu như khi tình yêu bắt đầu, thực vật tàn lụi cũng là lúc tình yêu kết thúc:

Sợ tình yêu chết trước khi kịp đơm hoa

(Nguyễn Thiên Ngân, Quấn bách)

Dựa trên ngữ liệu khảo sát được, chúng tôi nhận thấy những đặc điểm của tình yêu trong thơ đương đại có thể được tri nhận thông qua đặc điểm của thực vật:

Tình xanh xưa như chuyển nắng qua thềm

(Nguyễn Thiên Ngân, Và ngắn ngủi)

Thuộc tính cuối cùng được chúng tôi nhận thấy trong các ngữ liệu khảo sát chính là sự tác động của con người lên thực vật. Mặc dù chỉ xuất hiện 2/26 lần nhưng thuộc tính này vẫn đóng một vai trò quan trọng trong việc tri nhận miền đích trù tượng TÌNH YÊU, đồng thời cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa con người với đời sống tự nhiên. Sự tác động của con người lên thực vật có thể được tri nhận như cách chủ thể hình thành hay duy trì tình yêu của mình:

Chúng ta sẽ gieo những giận hờn, yêu thương giữa lòng bàn tay số phận

(Nguyễn Phong Việt, Đứng đi...)

Ấn dụ TÌNH YÊU LÀ THỰC VẬT trong thơ đương đại Việt Nam được tri nhận thông qua sự ánh xạ giữa miền đích trù tượng TÌNH YÊU và miền nguồn cụ thể THỰC VẬT. Thực vật gắn liền với đời sống của mỗi con người và dựa trên kinh nghiệm của mình, các nhà thơ đương đại Việt Nam đã vận dụng sự tương đồng của các thuộc tính giữa hai miền ý niệm để tạo nên các biểu thức ẩn dụ. Để hiểu được các biểu thức này, chúng ta cũng cần dựa vào kinh nghiệm về thực vật, các bộ phận, giai đoạn phát triển, đặc điểm hay sự tác động của ta đến thực vật đều góp phần giúp chúng ta tri nhận về miền đích TÌNH YÊU.

2.2.3. Ấn dụ TÌNH YÊU LÀ TRÒ CHƠI

Một cách thức tri nhận khác khá phổ biến về TÌNH YÊU có thể dựa trên miền nguồn TRÒ CHƠI. Trong tiếng Việt, ta không khó để bắt gặp những biểu thức ngôn ngữ như: trò chơi tình ái, ván cờ tình yêu, luật yêu, xúc xắc tình yêu,... Chúng tôi đã khái quát được năm thuộc tính của TRÒ CHƠI có thể được tri nhận như TÌNH YÊU được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4. Số lượng và tỉ lệ của từng thuộc tính trong ADCT TÌNH YÊU LÀ TRÒ CHƠI

STT	TRÒ CHƠI Miền nguồn	TÌNH YÊU Miền đích	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Người tham gia	Chủ thể	12	35.29
2	Luật chơi	Quy luật yêu đương	2	5.88
3	Hoạt động	Sự thay đổi	12	35.29
4	Kết quả	Kết quả	8	23.53
Tổng			34	100

Nếu như với ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, ta có thể tri nhận lẫn khách như chủ thể của tình yêu thì với ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ TRÒ CHƠI, chủ thể của tình yêu có thể được tri nhận qua *người tham gia trò chơi*:

Ta đánh liêu chơi một trận đảo điên

Người là quả báo nhơn tiền

(Nguyễn Thiên Ngân)

Thông thường một trò chơi sẽ có *luật chơi* riêng do người chơi tự quy ước, được tri nhận như quy luật yêu đương. Với 2/34 lần xuất hiện, chúng tôi nhận thấy thuộc tính này khá hiếm gặp trong thơ đương đại, cụ thể là với nguồn ngữ liệu chúng tôi khảo sát được. Lí giải cho điều này, chúng tôi cho rằng, tình yêu là vấn đề thuộc về cảm xúc cá nhân, về những suy nghĩ, quyết định, lựa chọn,... thường mang tính chủ quan, bộc phát của con người nên khó có thể quy định rõ một luật chơi, khó có thể áp đặt những gì mình muốn lên thứ tình cảm này. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, ta vẫn có thể đặt ra cho mình những quy luật khác nhau mà cả hai cần phải tuân theo để chấp nhận hay duy trì tình cảm:

Luật chơi chừng đã cũ

Và chẳng ai dốc lòng

(Nguyễn Thiên Ngân)

Một trò chơi đã có luật chơi thì không thể thiếu những *hoạt động*. Cách thực hiện một trò chơi có thể được tri nhận như sự thay đổi trong tình yêu:

Có bao nhiêu triệu con người cô đơn trong thế giới

*Muốn một lần được **đánh đổi***

Với người mình yêu thương?

(Nguyễn Phong Việt, *Người có lạnh không?*)

Thuộc tính cuối cùng được chúng tôi đề cập đến trong ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ TRÒ CHƠI chính là *kết quả*. Theo đó, kết quả của trò chơi đã được các nhà thơ đương đại Việt Nam tri nhận như kết quả của tình yêu:

Nghĩ mà thương em nọ

Nhận tình thua về mình

(Nguyễn Thiên Ngân, *Viết vào một sáng cuối năm*)

Ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ TRÒ CHƠI là một cách tri nhận khá mới mẻ và hấp dẫn. Trong 17 biểu thức ngôn ngữ có chứa ADCT TÌNH YÊU LÀ TRÒ CHƠI với 34 thuộc tính ánh xạ, chúng

tôi nhận thấy có đến 14 ngữ liệu cùng thuộc về một tác giả - Nguyễn Thiên Ngân. Từ những thuộc tính của trò chơi, chúng tôi đã khái quát thành những điểm tương đồng trong sự đối sánh với tình yêu, góp phần cho thấy cách thức tri nhận của các nhà thơ đương đại, đặc biệt là Nguyễn Thiên Ngân, đồng thời làm rõ sự hiểu biết sâu sắc, kinh nghiệm phong phú cũng như cá tính sáng tạo của các nhà thơ đương đại trong mối tương quan với cộng đồng.

2.2.4. Ấn dụ TÌNH YÊU LÀ VỠ KỊCH

Cách tri nhận TÌNH YÊU LÀ VỠ KỊCH xuất hiện phổ biến trong đời sống hằng ngày với những biểu thức ngôn ngữ như: MÀN KỊCH TÌNH YÊU, BI KỊCH TÌNH YÊU, SÂN KHẤU TÌNH YÊU,... Tuy nhiên, ADCT này lại không quá phổ biến trong cách tri nhận của các nhà thơ đương đại Việt Nam (chỉ xuất hiện trong 15/172 ngữ liệu). Mặc dù chiếm một số lượng rất nhỏ nhưng đây có thể xem là sự sáng tạo của các tác giả trong việc tri nhận miền đích TÌNH YÊU bởi với nguồn tài liệu tìm hiểu được, chúng tôi không nhận thấy công trình nào đề cập đến ADCT TÌNH YÊU LÀ VỠ KỊCH trong thơ ca các giai đoạn trước. Chúng tôi đã khái quát được một số thuộc tính của miền nguồn VỠ KỊCH có thể được tri nhận như miền đích TÌNH YÊU trong bảng thống kê sau:

Bảng 5. Số lượng và tỉ lệ của từng thuộc tính trong ADCT TÌNH YÊU LÀ VỠ KỊCH

STT	Miền nguồn (VỠ KỊCH)	Miền đích (TÌNH YÊU)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Sự mở màn	Sự bắt đầu	2	10.53
2	Vai diễn	Cách yêu	2	10.53
3	Sự kiện	Sự kiện	9	47.37
4	Tính chất	Tính chất	2	10.53
5	Sự kết màn	Sự kết thúc	4	21.05
Tổng			19	100

Sự mở màn của vỡ kịch đã được các nhà thơ đương đại tri nhận như sự bắt đầu của tình yêu. Tuy nhiên, nếu như ta luôn xác định được thời điểm mở màn của vỡ kịch thì với tình yêu lại không hẳn như vậy. Tình yêu là vấn đề thuộc phạm trù tình cảm nên khó có thể ước tính chính xác hay biết rõ mình đã bắt đầu yêu và yêu như thế nào, sự “bắt đầu” của một “chuyện tình” nhiều khi là một ẩn số với chính chủ nhân:

Nào ai biết những *chuyện tình* chưa nói

Sẽ *bắt đầu* ở đâu, hay sẽ chết thế nào

(Nguyễn Thiên Ngân, *Viết tiễn một đoạn đời*)

Vai diễn của vở kịch có thể được tri nhận như cách yêu của mỗi chủ thể trong cuộc tình. Mỗi chúng ta đều là một diễn viên trong tình yêu của mình với những cách yêu khác nhau như cách diễn viên diễn một vở kịch:

Nếu tất cả ở chỉ là giả tạo

*Ta vẫn muốn mình cùng nhau **diễn lại** vở này*

(Nguyễn Thiên Ngân, *Nếu tất cả đều là điều rất thật*)

Sự kiện trong vở kịch được tri nhận như sự kiện trong tình yêu. Tuy nhiên, nếu vở kịch được diễn ra theo một trình tự nhất định, được sắp đặt theo kịch bản trước đó thì tình yêu thường diễn biến một cách bất ngờ, những sự kiện khác nhau sẽ tạo nên những câu chuyện tình yêu khác nhau:

Để muôn đời kể

*những **câu chuyện tình***

(Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Kiếp hoa*)

Tính chất của vở kịch là thuộc tính chiếm tỉ lệ nhỏ nhất khi chỉ xuất hiện 2/19 lần trong ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ VỞ KỊCH. Hành trình tình yêu trong thơ đương đại là một hành trình kiếm tìm, dang dở với những cảm xúc tiêu cực, sự mất mát, chia li và cả những bi kịch:

*Và tôi biết **bi kịch của những tình yêu***

Là người ta không đủ yêu nhau để cùng đi đến cuối

(Nguyễn Thiên Ngân, *Ta yêu người một mình thôi*)

Thuộc tính tương đồng cuối cùng được chúng tôi khát quát trong sự ánh xạ giữa hai miền ý niệm chính là *sự kết màn*. Vở kịch nào cũng phải có bắt đầu và kết thúc cũng như cách ta bắt đầu và kết thúc một tình yêu. Đó có thể là một kết thúc trọn vẹn, viên mãn nhưng cũng có thể là sự chia li, xa cách với nhiều chọn lựa, kết cục khác nhau:

*Nếu tất cả **yêu thương** đều có **kết cục buồn***

(Nguyễn Thiên Ngân, *Nếu tất cả yêu thương đều có kết cục buồn*)

Ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ VỞ KỊCH trong thơ đương đại Việt Nam được tri nhận thông qua sự ánh xạ những thuộc tính tương đồng giữa miền đích trừu tượng TÌNH YÊU và miền nguồn cụ thể VỞ KỊCH để từ đó cho thấy cách thức tri nhận của các nhà thơ đương đại về ẩn dụ này thông qua kinh nghiệm cộng đồng kết hợp với cá tính sáng tạo của mỗi cá nhân.

2.2.5. Ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ LỬA

Dựa vào bảng thống kê số lượng và tỉ lệ các miền nguồn trong ADCT TÌNH YÊU, chúng tôi nhận thấy ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ LỬA chiếm số lượng ít nhất trong thơ đương đại Việt Nam

với 5.21%. Và trong công trình *Ấn dụ ý niệm về tình yêu trong Thơ mới 1932 - 1945* [5], TÌNH YÊU LÀ LỬA chỉ xuất hiện 8 lần (trong 266 ngữ liệu khảo sát). Như vậy, có thể nói, TÌNH YÊU LÀ LỬA là một ẩn dụ ít phổ biến trong thơ ca. Tuy nhiên, ẩn dụ này vẫn đóng một vai trò quan trọng trong việc tri nhận miền đích TÌNH YÊU nhờ vào miền nguồn LỬA với những thuộc tính tương đồng được sử dụng chung qua các giai đoạn như trong bảng sau:

Bảng 6. Số lượng và tỉ lệ của từng thuộc tính trong ADCT TÌNH YÊU LÀ LỬA

STT	NGỌN LỬA Miền nguồn	TÌNH YÊU Miền đích	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Giai đoạn nhóm lửa	Giai đoạn bắt đầu tình yêu	3	20
2	Mức độ cháy	Mức độ tình cảm	5	33.33
3	Chủ thể tác động	Chủ thể trong tình yêu	3	20
4	Giai đoạn tắt lửa	Giai đoạn kết thúc tình yêu	4	26.67
Tổng			15	100

Về giai đoạn nhóm lửa, thuộc tính này được tri nhận như giai đoạn bắt đầu tình yêu với 3/15 lần xuất hiện, được thể hiện qua biểu thức ngôn ngữ như:

*Có một trái tim **bung nổ rực***

*Em có tin **thấp nổi đêm thâu**?*

(Nguyễn Thế Hoàng Linh, *Em có tin...*)

Về mức độ cháy, nếu như trong thơ mới, Xuân Diệu được xem như nhà thơ nổi bật trong việc thể hiện sự nồng cháy của cảm xúc khi yêu *Chớ than nhiên bên một kẻ cháy lòng/ Chớ yên ổn như mặt hồ nước ngủ (Phải nói)*¹¹, Nguyễn Bính lại dùng hình ảnh ngọn lửa để cụ thể hoá sức nóng của tình yêu *Thấy hoa mai trắng lòng ta nhớ.../ Đóm lửa tình duyên dậy sáng ngời (Mai tàn)*¹² thì trong thơ đương đại, các nhà thơ cũng đã nhận thấy sự tương đồng của thuộc tính này với những mức độ tình cảm khác nhau và Vi Thùy Linh có thể xem là nhà thơ tiêu biểu trong việc biểu đạt tình yêu một cách mãnh liệt và táo bạo:

*Có ai biết, **em** đã dịu dàng **nồng cháy** bên **Anh***

(Vi Thùy Linh, *Người đêm khuyết*)

¹¹ Trích trong *Thơ thơ* (Xuân Diệu, 1938)

¹² Trích trong *Thi ca Việt Nam chọn lọc - Thơ tình Nguyễn Bính* (Kiều Văn, 2005)

Về chủ thể tác động đến lửa, thuộc tính này có thể tri nhận như chủ thể trong tình yêu, là người “nhóm lửa” để bắt đầu tình cảm đẹp đẽ này:

Nếu không còn ai thương mình thì con vẫn có thể

tự tay mình nhóm lửa

với thứ mình yêu thương...

(Nguyễn Phong Việt, *Mẹ sẽ cùng con đi...*)

Về giai đoạn tắt lửa, qua ngữ liệu khảo sát được, chúng tôi nhận thấy có đến 3/5 nhà thơ vận dụng cách thức tri nhận giai đoạn tắt lửa như giai đoạn kết thúc tình yêu vào các sáng tác của mình, được thể hiện qua các biểu thức ngôn ngữ:

Rửa là hết, những đóm tàn tình cũ

(Nguyễn Thiên Ngân, *Rửa là hết*)

Ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ LỬA trong thơ đương đại Việt Nam được các nhà thơ tạo nên thông qua sự ánh xạ các thuộc tính tương đồng giữa miền nguồn và miền đích, dựa trên kinh nghiệm của các nhà thơ về lửa trong cuộc sống hằng ngày và đặc biệt là trong mối liên hệ mật thiết với tình yêu. LỬA là một ý niệm cụ thể, tồn tại xung quanh ta, mang lại những đóng góp không nhỏ trong cuộc sống của con người. Tuy nhiên, miền nguồn này lại không quá phổ biến trong tri nhận về TÌNH YÊU cả trong thơ mới và thơ đương đại. Với miền nguồn LỬA, chúng tôi nhận thấy có sự tương đồng trong cách thức tri nhận của các nhà thơ ở hai thời kì khác nhau, bằng óc quan sát cùng khả năng tri nhận phong phú, họ đã vận dụng ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ LỬA vào các tác phẩm của mình, giúp những câu thơ trở nên gần gũi, thân thuộc nhưng cũng không kém phần sinh động, hấp dẫn.

3. Kết luận

Qua việc khảo sát 444 tác phẩm thơ đương đại Việt Nam với 172 ngữ liệu xuất hiện ADCT về TÌNH YÊU, bài viết đã khái quát được những thuộc tính ánh xạ giữa miền đích trừu tượng TÌNH YÊU qua năm miền nguồn khác nhau, bao gồm: (1) CUỘC HÀNH TRÌNH, (2) THỰC VẬT, (3) TRÒ CHƠI, (4) VỎ KỊCH, (5) LỬA. Với những kết quả thu được, chúng tôi nhận thấy TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH là ADCT phổ biến nhất với 107/172 ngữ liệu, chiếm 62.21%, góp phần lí giải vì sao các công trình nghiên cứu thường chỉ tập trung khai thác ẩn dụ này. Tuy nhiên, bên cạnh CUỘC HÀNH TRÌNH, các miền nguồn khác cũng góp phần quan trọng trong việc tri nhận miền đích TÌNH YÊU. Đặc biệt, miền nguồn VỎ KỊCH đã thể hiện sự sáng tạo của các nhà thơ đương đại trong việc tri nhận miền đích TÌNH YÊU bởi với nguồn tài liệu tìm hiểu được, chúng tôi không nhận thấy công trình nào đề cập đến ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ VỎ KỊCH trong thơ ca Việt Nam các giai đoạn trước.

Như vậy, qua việc khảo sát, phân tích và lí giải nhằm làm rõ cách thức tạo thành các ADCT về TÌNH YÊU, bài viết đã làm rõ cách thức tri nhận của các nhà thơ đương đại Việt Nam với miền đích TÌNH YÊU, một miền ý niệm mang tính phổ quát, được quan tâm trong các sáng tác và là chủ đề tiêu biểu trong sáng tác của các nhà thơ đương đại. Thêm vào đó, trong một số thuộc tính tương đồng, chúng tôi còn có sự đối sánh với các tác phẩm thơ mới nhằm cho thấy cách thức tri nhận của các nhà thơ qua từng thời kì, làm rõ sự tương đồng và khác biệt trong tư duy của các tác giả ở hai giai đoạn khác nhau. Những ADCT về TÌNH YÊU không chỉ làm rõ tư tưởng và thông điệp nghệ thuật của các tác giả thơ đương đại, mà đặc biệt, có thể trở thành nguồn tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu về những ADTN khác trong thơ đương đại Việt Nam, đóng góp vào việc phát triển và nâng cao sự hiểu biết về ngôn ngữ học và văn học.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

1. Ly Hoàng Ly, *Cỏ trắng*, NXB Hội Nhà văn, 1999.
2. Ly Hoàng Ly, *Lô Lô*, NXB Hội Nhà văn, 2005.
3. Ly Hoàng Ly, *Quà*, NXB Trẻ, 2008.
4. Kiều Văn (tuyển chọn), *Thi ca Việt Nam chọn lọc - Thơ tình Nguyễn Bính*, NXB Đồng Nai, 2005.
5. Nguyễn Phong Việt, *Đi qua thương nhớ*, NXB Hội Nhà Văn, 2016.
6. Nguyễn Phong Việt, *Sống một cuộc đời bình thường*, NXB Văn học, 2015.
7. Nguyễn Phong Việt, *Từ yêu đến thương*, NXB Văn học, 2013.
8. Nguyễn Thiên Ngân, *Mình phải sống như mùa hè năm ấy*, NXB Tổng hợp, 2019.
9. Nguyễn Thiên Ngân, *Có người sức tình con mơ*, NXB Văn hoá - Văn nghệ, 2019.
10. Nguyễn Thiên Ngân, *Lạ lòng sao, đón đau này*, NXB Văn hoá - Văn nghệ, 2019.
11. Nguyễn Thiên Ngân, *Ôm mỏ neo nằm mộng những chân trời*, NXB Văn hoá - Văn nghệ, 2018.
12. Vi Thuý Linh, *Khát*, NXB Phụ nữ, 2007.
13. Vi Thuý Linh, *Linh*, NXB Phụ nữ, 2007.
14. Xuân Diệu, *Thơ Thơ*, NXB Đời nay, 1938, .
15. Vân Long (tuyển chọn), *Xuân Quỳnh - Thơ và Đời*, NXB Văn hoá - Thông tin, 2004.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Thanh Hà, *Ấn dụ ý niệm về tình yêu trong ca từ của nhạc sĩ Nguyễn Văn Chung*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Học viện KHXH, Hà Nội, 2018.

2. Từ Thị Mỹ Hạnh, *Ẩn dụ tri nhận trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ và Văn hoá nước ngoài, ĐHSP, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015.
3. Hoàng Thị Huế, *Một số đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật thơ Việt Nam sau 1986*, TC Nghiên cứu Văn học, Số 8, 2020.
4. Nguyễn Thị Thanh Huyền, *Ẩn dụ tri nhận - Mô hình ẩn dụ cấu trúc trên cứ liệu ca từ Trịnh Công Sơn*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, ĐH KHXH&NV, Thành phố Hồ Chí Minh, 2009.
5. Lee, D., *Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận* (Nguyễn Văn Hiệp - Nguyễn Hoàng An dịch), ĐHQG, Hà Nội, 2014.
6. Trần Văn Nam, *Ẩn dụ ý niệm về tình yêu trong Thơ mới 1932 - 1945*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ và Văn hoá Việt Nam, ĐHSP, Thái Nguyên, 2017.
7. Lưu Khánh Thơ, *Một số vấn đề trong thơ đương đại*, TC Nghiên cứu khoa học, Số 8, 2015.

Tiếng Anh

8. Dirven, R. & Radden, G., *Cognitive English Grammar*, John Benjamins Publishing House, Amsterdam & Philadelphia, 2007.
9. Evans, V. & Green, M., *Cognitive linguistics: An introduction*, Edinburgh University Press, UK, 2006.
10. Evans, V., *A Glossary of cognitive linguistics*, Edinburgh University Press, Edinburgh, 2007.
11. Kövecses, Z., *Metaphor: A Practical Introduction*, Oxford University Press, New York, 2010.
12. Lakoff, G. & Johnson, M., *Metaphors we live by*, The University of Chicago Press, Chicago and London, 1980.
13. Phan, T. H., *The metaphor "LOVE IS A JOURNEY" in English and Vietnamese*, VNU Journal of Foreign Studies, 27, 176-184, 2011.